PHÒNG GD&ĐT HUYỆN NAM TRỰC
TRƯỜNG TIỂU HỌC NAM TIẾN

Số:…./KH-THNT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Nam Tiến, ngày 20 tháng 08 năm 2021

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC
Năm học 2021 -2022

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

- Công văn số 2345/BGDĐT-GDTH ngày 07/6/2021 của Bộ GD&ĐT về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch giáo dục của nhà trường cấp tiểu học;

- Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐ ngày 5/5/2006 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chương trình giáo dục phổ thông; Công văn số 7975/BGDĐT- GDTH ngày 10/9/2009 về việc Hướng dẫn dạy học môn Thủ công, Kĩ thuật ở tiểu học; Công văn số 5842/BGDĐT-VP ngày 01 tháng 9 năm 2011 về Hướng dẫn điều chỉnh nội dung dạy học giáo dục phổ thông; Tài liệu hướng dẫn điều chỉnh nội dung chương trình hiện hành theo Chương trình giáo dục phổ thông 2018 (CTGDPT2018)

- Thông tư 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 của Bộ GD&ĐT về Ban hành chương trình giáo dục phổ thông;

- Công văn số 344/BGDĐT-GDTrH ngày 24/01/2019 của Bộ GD&ĐT về hướng dẫn triển khai Chương trình giáo dục phổ thông 2018;

- Công văn 3535/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn thực hiện nội dung Hoạt động trải nghiệm cấp tiểu học trong CTGDPT 2018 từ năm 2020-2021;

- Thông tư 05/2019/TT-BGDĐT ngày 05/04/2019 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 1;

- Thông tư 43/2020/TT-BGDĐT ngày 03/11/2020 của Bộ GD&ĐT về Ban hành Danh mục thiết bị dạy học tối thiểu lớp 2;

- Công văn 3539/BGDĐT-GDTH ngày 19/8/2019 của Bộ GD&ĐT về Chuẩn bị điều kiện đảm bảo thực hiện dạy môn Tin học;

- Công văn 681/ BGDĐT-GDTH ngày 04/3/2020 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn tổ chức dạy học môn Tiếng Anh tự chọn lớp 1, lớp 2 theo chương trình GDPT2018;

- Công văn 1315/ BGDĐT-GDTH ngày 16/4/2020 của Bộ GD&ĐT về Hướng dẫn sinh hoạt chuyên môn thực hiện Chương trình GDPT cấp Tiểu học;

- Quyết định số 900/QĐ-UBND, ngày 27/4/2021 của Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Nam Định về việc phê duyệt Danh mục sách giáo khoa lớp 2, lớp 6 sử

dụng trong cơ sở giáo dục phổ thông trên địa bàn tỉnh Nam Định;

- Biên bản chọn sách giáo khoa lớp 1;2 ngày 4/5/2021 của trường Tiểu học Nam Tiến;

- Quyết định số 1727/QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của UBND tỉnh Nam Định về việc ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2021 -2022 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên;

- Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2021-2022 cấp tiểu học của Sở GD&ĐT tỉnh Nam Định;

- Hướng dẫn nhiệm vụ năm học 2020 - 2021 cấp tiểu học của Phòng GD&ĐT huyện Nam Trực;

- Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm học 2021-2022 của trường Tiểu học Nam Tiến.

II. ĐIỀU KIỆN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH NĂM HỌC 2021-2022

1. Đặc điểm tình hình kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

1. 1. Thuận lợi

- Nam Tiến là địa phương có truyền thống hiếu học. Đảng ủy, chính quyền và nhân dân địa phương rất quan tâm đến sự nghiệp giáo dục. Phong trào khuyến học, khuyến tài phát triển mạnh mẽ ở các thôn xóm, dòng họ đã góp phần quan trọng trong việc xây dựng môi trường giáo dục lành mạch, tích cực.

- Công tác xã hội hóa giáo dục của địa phương nói chung và nhà trường nói riêng đã đạt được hiệu quả cao, đặc biệt là trong nội dung tăng cường các điều kiện cơ sở vật chất trường học và xây dựng quỹ khuyến học, khuyến tài.

- Hiện nay, địa phương đang phấn đấu xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, đây cũng là thời cơ để các nhà trường được quan tâm, đầu tư mọi mặt.

1.2. Khó khăn

- Mặc dù rất hiếu học song một bộ phận không nhỏ cha mẹ học sinh chưa có nhận thức đúng về mục tiêu của giáo dục tiểu học, chưa quan tâm giáo dục toàn diện, giáo dục đạo đức, kĩ năng sống mà chỉ chú ý đến điểm số, chú ý đến thành tích của các môn học (Toán, Tiếng Việt, Tiếng Anh) của học sinh.

- Nhiều phụ huynh học sinh ngoài nông nghiệp còn phải đi làm ăn xa lúc nông nhàn nên việc chăm sóc và kết hợp giáo dục với nhà trường còn có hạn chế.

- Do trước đây Nam Tiến là điểm nóng về tệ nạn ma túy nên có nhiều gia đình rơi vào hoàn cảnh khó khăn, không quan tâm, không có điều kiện chăm lo đến việc học hành của con.

2. Đặc điểm tình hình nhà trường năm học 2021-2022.

2.1. Điểm mạnh

2.1.1. Về học sinh

Quy mô phát triển năm học 2021-2022 như sau:

Khối lớp	Điểm chính			Điểm lẻ			Tổng số				Ghi chú
	Lớp	HS	B.Q	Lớp	HS	B.Q	Lớp	HS	Nữ	BQ	
Lớp 1	4	120	30	2	62	31	6	182	80	30	
Lớp 2	4	147	37	2	62	31	6	209	88	35	2KT
Lớp 3	4	131	33	2	58	29	6	189	104	31	1KT
Lớp 4	4	144	36	2	68	34	6	212	104	35	
Lớp 5	4	133	32	2	48	24	6	181	88	30	
Cộng	**20**	**675**	**34**	**10**	**298**	**30**	**30**	**973**	**464**	**33**	**3KT**

Nhà trường có số lượng học sinh/ lớp đảm bảo quy định tại Điều lệ trường tiểu học. 100% học sinh tham gia học 2 buổi/ngày. Học sinh có có phong trào học tập, rèn luyện tốt; bước đầu có thói quen đọc sách; nhiều học sinh có tố chất, các em rất hứng thú, say mê với những hoạt động phát triển tố chất, năng lực cá nhân và các hoạt động nghiên cứu khoa học, kĩ thuật, công nghệ.

2.1.2. Đội ngũ

Nhà trường có tổng số 52 cán bộ, giáo viên, nhân viên gồm: 3 cán bộ quản lý, 44 giáo viên, 5 nhân viên. Trong đó có 27 giáo viên cơ bản và 13 giáo viên dạy các môn chuyên là giáo viên biên chế, 3 giáo viên cơ bản và 1 giáo viên chuyên là giáo viên hợp đồng; 4 giáo viên GDTC, 4 giáo viên dạy tiếng Anh, giáo viên dạy các môn âm nhạc, mĩ thuật, tin học mỗi môn có 2. Tỷ lệ giáo viên trên lớp là 1,48 (44 giáo viên/30lớp), cơ cấu giáo viên tương đối hợp lý, nhiều giáo viên trẻ, 100% giáo viên của trường có trình độ cao đẳng trở lên trở lên, trong đó trình độ đại học là 35/44 chiếm 79,5%. Có 2 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp tỉnh, 14 giáo viên được công nhận giáo viên giỏi cấp huyện. Nhìn chung, cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên của trường đều có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ vững vàng, có tinh thần trách nhiệm, tâm huyết với nghề; luôn đoàn kết, giúp đỡ nhau, gắn bó với trường, lớp. Đây là điều kiện thuận lợi lớn nhất của nhà trường trong việc thực hiện kế hoạch giáo dục.

Lãnh đạo nhà trường là những người tâm huyết, dám nghĩ, dám làm, tích cực học hỏi, luôn đi đầu trong việc đổi mới, sáng tạo và luôn khuyến khích, trân trọng sáng tạo của giáo viên, tạo lập được bầu không khí làm việc thân thiện, tích cực trong đơn vị.

2.1.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học

Tuy có 2 điểm trường song cả 2 điểm trường của nhà trường đều nằm trên trục đường tỉnh lộ, rất thuận tiện cho học sinh. Tỷ lệ phòng học/ lớp của nhà trường là 1, các phòng học bộ môn gồm: 3 phòng tiếng Anh, 2 phòng tin học, 2 phòng âm nhạc,

2 phòng mĩ thuật, 1 phòng khoa học, công nghệ. Mỗi điểm trường của nhà trường đều có nhà đa năng, khu thể thao, thư viện và thư viện xanh, ... Là trường đã đạt Chuẩn quốc gia mức độ 2, đạt Chuẩn Xanh – Sạch – Đẹp – An toàn nên các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học cơ bản đáp ứng được những yêu cầu mới của công tác giáo dục.

2.1.4. Các điều kiện khác

- Trường tiểu học Nam Tiến được UBND huyện Nam Trực xác định là một trong 6 trường trọng điểm của huyện nên luôn nhận được sự quan tâm chỉ đạo sát sao, sự ủng hộ kịp thời về cơ chế, chính sách và con người.

- Là trường có chất lượng giáo dục toàn diện và chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu thuộc tốp đầu của huyện. Nhiều năm liền, nhà trường có học sinh tham gia và đạt giải trong các cuộc thi, hội thi, giao lưu cấp tỉnh, cấp huyện, cấp quốc gia như: thi điền kinh, bóng đá, bóng bàn, cờ vua, aerrobic, robotic, liên hoan phát triển năng lực học sinh, hùng biện tiếng Anh, IOE, Toefl Primary, giới thiệu sách, Violympic, toán tuổi thơ, giải toán qua thư, viết chữ đúng và đẹp,.... Nhà trường rất tích cực nghiên cứu áp dụng nội dung chương trình, phương pháp, hình thức tổ chức, mô hình dạy học tiến tiến, hiện đại, là địa chỉ tin cậy của phụ huynh học sinh.

- Trong những năm gần đây, nhà trường đã đưa vào kế hoạch giáo dục của mình các nội dung, phương pháp, hình thức tổ chức các hoạt động giáo dục theo hướng tiếp cận CTGDPT 2018 như: dạy kĩ nănng sống, giáo dục STEM, tăng cường tiếng Anh với người nước ngoài, dạy tiếng Anh cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5, dạy Tin học theo chương trình chuẩn quốc tế (IC3), tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read, tổ chức các hoạt động câu lạc bộ, tổ chức lớp học và dạy học theo mô hình VNEN, dạy mỹ thuật theo phương pháp của Đan Mạch, tổ chức các hoạt động trải nghiệm, … và đã thu được nhiều kết quả khả quan.…. Đây là điều kiện rất thuận lợi để nhà trường thực hiện triển khai thành công Chương trình giáo dục phổ thông 2018.

2.2. Điểm yếu

2.2.1. Về học sinh

Còn có 2 học sinh thuộc diện bảo trợ xã hội, 3 học sinh khuyết tật học hòa nhập, 11 học sinh thuộc diện đặc biệt khó khăn. Rải rác ở các lớp đều có học sinh có biểu hiện của trẻ tăng động, giảm chú ý, trẻ tự kỷ.

2.2.2. Về đội ngũ

Vẫn còn giáo viên chưa đạt chuẩn về trình độ đào tạo so với quy định mới tại Điều lệ trường Tiểu học năm 2020, họ vừa phải dạy, vừa phải học nâng cao trình độ.

Trình độ ngoại ngữ của cán bộ quản lý, giáo viên và việc ứng dụng công nghệ, tin học của một vài giáo viên lớn tuổi còn hạn chế.

Vẫn còn giáo viên, nhân viên là lao động hợp đồng, thu nhập thấp nên chưa yên tâm công tác.

Đội ngũ giáo viên của nhà trường còn nhiều người ở xa (trên 20 km), giáo viên trẻ đang độ tuổi sinh nở nên nghỉ thai sản nhiều.

2.2.3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Trường được xây dựng chắp vá qua nhiều thời kỳ, có nhiều hạng mục phải sửa chữa thường xuyên song kinh phí rất lại hạn chế.

- Trang thiết bị dạy học hiện đại chưa có nhiều, chưa có đủ trang thiết bị theo quy định khi triển khai CTGDPT 2018.

- Bếp ăn bán trú, phòng ăn, nghỉ ngơi của học sinh chưa đảm bảo yêu cầu.

III. MỤC TIÊU GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021-2022

1. Mục tiêu chung

Giúp học sinh hình thành và phát triển những yếu tố căn bản đặt nền móng cho sự phát triển hài hoà về thể chất và tinh thần, phẩm chất và năng lực. Học sinh làm chủ được kiến thức của từng lớp học, biết vận dụng hiệu quả kiến thức, kĩ năng đã học vào đời sống; xây dựng được những thói quen, nền nếp cần thiết trong học tập và sinh hoạt, đặc biệt chú trọng xây dựng thói quen đọc sách. Mỗi học sinh trở thành cá nhân có tư duy độc lập, có năng lực tự học, tự giải quyết vấn đề, có khả năng sáng tạo, luôn có khát vọng vươn lên.

Tiếp tục khẳng định nhà trường là địa chỉ tin cậy của gia đình và xã hội, học sinh thích học, thích đi học, mỗi ngày đến trường là một ngày vui. Tập trung xây dựng trường học xanh, sạch, đẹp, an toàn, thân thiện, tiên tiến, hiện đại; có đủ các điều kiện và thực hiện thành công CTGDPT 2018.

2. Mục tiêu cụ thể

2.1. Các phẩm chất và năng lực

Nội dung PC, NL	Khối 1 (182)						Khối 2 (209)					
	Tốt		Đạt		CCG		Tốt		Đạt		CCG	
	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL	SL	TL
Tự học, tự chủ	90	49,5	89	48,9	3	1,6	120	57,4	89	42,6	0	0
Giao tiếp và hợp tác	110	60,4	72	39,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
GQVĐ và sáng tạo	80	44	99	54,4	3	1,6	115	55	94	45	0	0
Ngôn ngữ	130	71,4	50	27,5	2	1,1	155	74,2	54	25,8	0	0
Tính toán	130	71,4	50	27,5	2	1,1	155	74,2	54	25,8	0	0
Khoa học	100	54,9	80	44	2	1,1	120	57,4	89	42,6	0	0
Thẩm mĩ	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
Thể chất	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
Yêu nước	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0

Nhân ái	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
Chăm chỉ	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
Trung thực	130	71,4	52	28,6	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0
Trách nhiệm	100	54,9	82	45,1	0	0	155	74,2	54	25,8	0	0

Khối lớp	**XL**	**Năng lực**						**Phẩm chất**							
		Tự phục vụ, tự quản		Hợp tác		Tự học và GQVĐ		Chăm học, chăm làm		Tự tin, trách nhiệm		Trung thực kỉ luật		Đoàn kết, yêu thương	
		SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%	SL	%
3 (189)	T	119	63	119	63	119	63	119	63	119	63	129	68,3	130	68,8
	Đ	70	37	70	37	70	37	70	37	70	37	60	31,7	59	31,2
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
4 (212)	T	150	70,8	150	70,8	150	70,8	150	70,8	150	70,8	150	70,8	170	80,2
	Đ	62	29,2	62	29,2	62	29,2	62	29,2	62	29,2	62	29,2	42	19,8
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
5 (181)	T	125	69,1	125	69,1	125	69,1	125	69,1	125	69,1	135	74,6	145	80,1
	Đ	56	30,9	56	30,9	56	30,9	56	30,9	56	30,9	46	25,4	36	19,9
	C	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0

2.2. Các môn học, hoạt động giáo dục

Môn học	**XL**	**Khối 1**		**Khối 2**		**Khối 3**		**Khối 4**		**Khối 5**		**Toàn trường**	
		SL	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	*SL*	*%*	***SL***	***%***
Tiếng Việt (973)	T	110	60,4	130	62,2	130	68,8	140	66	130	71,8	**640**	**65,8**
	H	70	38,5	78	37,3	58	30,7	72	34	51	28,2	**329**	**33,8**
	C	2	1,1	1	0,5	1	0,5	0	0	0	0	**4**	**0,4**
Toán (973)	T	110	60,4	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**650**	**66,8**
	H	70	38,5	68	32,5	59	31,2	72	34	51	28,2	**320**	**32,9**
	C	2	1,1	1	0,5	0	0	0	0	0	0	**3**	**0,3**
Đạo đức (973)	T	110	60,4	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**650**	**66,8**
	H	72	39,6	68	32,5	58	30,7	72	34	51	28,2	**320**	**32,9**
	C	0	0	1	0,5	1	0,5	0	0	0	0	**3**	**0,3**
TN&XH (580)	T	110	60,4	140	77	130	68,8						
	H	72	39,6	68	32,5	58	30,7						
	C	0	0	1	0,5	1	0,5						
Khoa học (393)	T							140	66	130	71,8	**270**	**68,7**
	H							72	34	51	28,2	**123**	**31,3**
	C							0	0	0	0	**0**	**0**

LS và ĐL (393)	T							140	66	130	71,8	**270**	**270**
	H							72	34	51	28,2	**123**	**123**
	C							0	0	0	0	**0**	**0**
Thủ công/KT (582)	T					130	68,8	140	66	130	71,8	**400**	**68,7**
	H					59	31,2	72	34	51	28,2	**182**	**31,3**
	C					0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
Mĩ thuật (973)	T	110	60,4	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**650**	**66,8**
	H	72	39,6	69	32,5	59	31,2	72	34	51	28,2	**323**	**33,2**
	C	0	0	0	0,5	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
Âm nhạc (973)	T	110	60,4	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**650**	**66,8**
	H	72	39,6	68	32,5	58	30,7	72	34	51	28,2	**321**	**33**
	C	0	0	1	0,5	1	0,5	0	0	0	0	**2**	**0,2**
GDTC (973)	T	110	60,4	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**650**	**66,8**
	H	72	39,6	69	32,5	59	31,2	72	34	51	28,2	**323**	**33,2**
	C	0	0	0	0,5	0	0	0	0	0	0	**0**	**0**
HĐTN (391)	T	140	76,9	150	71,8							**290**	**74,2**
	H	42	23,1	59	28,2							**101**	**25,8**
	C	0	0	0	0							**0**	**0**
Tin học (582)	T					130	68,8	140	66	130	71,8	**400**	**68,7**
	H					58	30,7	72	34	51	28,2	**181**	**31,1**
	C					1	0,5	0	0	0	0	**1**	**0,2**
Tiếng Anh (973)	T	90	49,5	140	77	130	68,8	140	66	130	71,8	**630**	**64,7**
	H	90	49,5	68	32,5	58	30,7	72	34	51	28,2	**339**	**34,8**
	C	2	1,0	1	0,5	1	1	0	0	0	0	**4**	**0,4**

2.3. Các hoạt động giáo dục theo nhu cầu, năng lực.

2.3.1. Công tác bồi dưỡng năng khiếu của học sinh.

- Tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng bồi dưỡng học sinh năng khiếu ở các lĩnh vực: văn hóa, nghệ thuật, thể dục thể thao, khoa học, kĩ thuật… thông qua hình thức câu lạc bộ, học theo nhu cầu. Tập trung vào các lĩnh vực thế mạnh của nhà trường là toán, tiếng Anh, điền kinh, cờ vua, bóng đá, robotics để nâng cao thành tích ở các cấp.

- Tổ chức, tạo cơ hội để học sinh được tham gia vào tất cả các cuộc thi, liên hoan, giao lưu phát triển năng khiếu, năng lực do cấp trên tổ chức như: giao lưu toán tuổi thơ, violympic, giải toán qua thư, olympic tiếng Anh, hùng biện tiếng Anh, toefl primary, thi điền kinh (chạy, bật xa, ném bóng), bóng đá, bóng rổ, lập trình robot, viết chữ đúng và đẹp, …. Phấn đấu có từ ít nhất 50 giải cấp huyện, 5 giải cấp tỉnh, 5 giải cấp quốc gia.

- Có khoảng 50% học sinh trở lên tham gia hoạt động giáo dục theo nhu cầu.

2.3.2. Công tác giúp đỡ học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật

Tạo điều kiện để trẻ khuyết tật được học tập bình đẳng và hòa nhập cộng đồng. Tăng cường dạy học phân hóa kết hợp với phụ đạo thêm cho học sinh có khó khăn về nhận thức, về hoàn cảnh gia đình, học sinh khuyết tật vào giờ tự học. Đảm bảo 100% học sinh khó khăn, học sinh khuyết tật được giúp đỡ riêng, phụ đạo thêm giờ để học sinh hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện và đảm bảo đạt các yêu cầu về phẩm chất, năng lực, 100% có sự tiến bộ so với bản thân.

2.4. Các hoạt động giáo dục khác

2.4.1. Hoạt động chủ đề, thăm quan, dã ngoại.

Ngoài đảm bảo đủ 105 tiết hoạt động trải nghiệm (lớp 1,2), 70 tiết hoạt động giáo dục (lớp 3,4,5) bắt buộc theo quy định, tổ chức cho học sinh các hoạt động trải nghiệm ngoài giờ chính khóa theo chủ đề từng tháng với thời lượng 1 buổi/ tháng (Phụ lục 1.2) để giúp học sinh tăng cường ứng dụng kiến thức đã học vào thực tế.

Phấn đấu có 90 % học sinh tham gia vào các hoạt động chủ điểm và tham quan, dã ngoại.

2.4.2. Hoạt động đọc sách

Ngoài 1 tiết/ tuần đọc sách được bố trí trong thời khóa biểu, bố trí thêm cho học sinh đọc sách tại trường sau giờ học chính khóa. Phấn đấu 100% học sinh tham gia hoạt động đọc sách nhà trường, giáo viên tổ chức, có khoảng 50% học sinh có thói quen đọc sách hàng ngày.

IV. TỔ CHỨC CÁC MÔN HỌC VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC NĂM HỌC 2021 – 2022.

1. Phân phối thời lượng các môn học và các hoạt động giáo dục.

Chương trình chính khóa được tổ chức thực hiện 9 buổi/ tuần (học từ thứ hai đến sáng thứ sáu gồm 32 tiết học. Nội dung 9 buổi/ tuần được thực hiện như sau:

+ Thực hiện các môn học, các hoạt động trải nghiệm/ hoạt động giáo dục bắt buộc theo quy định của Bộ GD&ĐT (Khối 1; 2: 25 tiết, Khối 3: 24 tiết, Khối 4;5: 25 tiết)

+ Củng cố giúp học sinh hoàn thành các nội dung học tập, rèn luyện cho lớp 1; 2; 3 với thời lượng 1 tiết/ tuần.

+ Dạy Tiếng Anh cho HS lớp 1; 2 với thời lượng 2 tiết/ tuần; lớp 3; 4; 5 với thời lượng 4 tiết/ tuần.

+ Dạy Tin học cho học sinh lớp 3; 4;5 với thời lượng 2 tiết/ tuần.

+ Tổ chức tiết đọc thư viện theo mô hình của Room to read cho học sinh từ lớp 1 đến lớp 5 với thời lượng 1 tiết/ tuần.

+ Tổ chức cho học sinh lớp 1;2 có nhu cầu làm quen với tin học thông qua lập trình Kudo với thời lượng 1 tiết/ tuần.

+ Tổ chức cho học sinh từ lớp 1-5 có nhu cầu học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài với thời lượng 1 tiết/ tuần.

Cụ thể như sau:

TT	Môn học	Số tiết lớp 1			Số tiết lớp 2			Số tiết lớp 3			Số tiết lớp 4			Số tiết lớp 5		
		Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2	Tổng	HK1	HK2
Môn học /Hoat động giáo dục bắt buộc																
1	Tiếng Viêt	420	*216*	*204*	350	*180*	*170*	280	*144*	*136*	280	*144*	*136*	280	*144*	*136*
2	Toán	105	*54*	*51*	175	*90*	*85*	175	*90*	*85*	175	*90*	*85*	175	*90*	*85*
3	Đạo đức	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*
4	Tự nhiên và Xã hội	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*						
5	Lịch sử và Địa lý										70	*36*	*34*	70	*36*	*34*
6	Khoa học										70	*36*	*34*	70	*36*	*34*
7	Giáo dục thể chất/ Thể dục	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*	*70*	*36*	*34*	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*
8	Âm nhạc	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	*35*	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*
9	Mĩ thuật	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	*35*	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*
10	Thủ công/ Kĩ thuật							35	*18*	*17*	*35*	*18*	*17*	35	*18*	*17*
11	Hoạt động trải nghiệm	105	*54*	*51*	105	*54*	*51*	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*
Môn học tự chọn																
12	Tiếng Anh	70	*36*	*34*	70	*36*	*34*	140	*72*	*68*	140	*72*	*68*	140	*72*	*68*
13	Tin học							70	*72*	*68*	70	*72*	*68*	70	*72*	*68*
Hoạt động củng cố, tăng cường																
14	Củng cố các môn học	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*						
15	Tự học	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*									
16	Đọc sách thư viện	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*	35	18	17	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*
17	Giáo dục tin học	35	*18*	*17*	35	*18*	*17*									
18	Tiếng Anh tăng cường	35	*18*	*17*	*35*	*18*	*17*									
Tổng số tiết		**1120**	***576***	***544***	**1120**	***576***	***544***	**1120**	***576***	***544***	**1120**	***576***	***544***	**1120**	***576***	***544***
Số tiết/tuần (cả năm)		**32**			**32**			**32**			**32**			**32**		

2. Các hoạt động giáo dục tập thể và hoạt động theo nhu cầu người học

2.1. Các hoạt động giáo dục tập thể thực hiện trong năm học.

Tháng	Chủ điểm	Nội dung trọng tâm	Hình thức tổ chức	Thời gian thực hiện	Người thực hiện	Lực lượng cùng tham gia
9/2021	Mái trường mến yêu	Giới thiệu về trường, lớp Làm quen với bạn bè, thầy cô. Vệ sinh và trang trí lớp học.	Trải nghiệm theo lớp	Chiều thứ hai ngày 20/9	GVCN	BGH, GV chuyên, nhân viên và CMHS
10/2021	An toàn trường học	Hướng dẫn học sinh ATGT, an toàn khi sử dụng điện, an toàn khi vui chơi, ăn uống vệ sinh và phòng chống bạo lực, xâm hại tình dục	Tổ chức sinh hoạt chuyên đề toàn trường	Sáng thứ tư, ngày 20/10	TPT Đội	Công an xã, nhân viên y tế, Chi đoàn TNCS HCM, BCH Công Đoàn
11/2021	Nhớ ơn thầy cô	Thi viết, vẽ, văn nghệ về thầy cô giáo	Chuẩn bị theo đơn vị lớp, chấm, trưng bày, biểu diễn theo điểm trường.	Từ 15h20 đến 17h00 các ngày từ 1/11-15/11	TPT Đội	BCH Chi Đoàn, BCH Công đoàn, CMHS; Ban xây dựng VHĐ, GV MT, ÂN
12/2021	Uống nước nhớ nguồn	Tổ chức cho học sinh thăm hỏi gia đình thương bình, liệt sĩ; chăm sóc và viếng nghĩa trang liệt sĩ.	Tổ chức theo đơn vị lớp	Sáng thứ bảy ngày 18/12	GVCN	TPT Đội, Chi Đoàn, BGH, CMHS, Hội Cựu chiến binh xã.
01/2022	Ngày tết quê em	Tổ chức cho học sinh thực hành, trải nghiệm một số hoạt động của ngày tết Nguyên Đán.	Hoạt động tập trung toàn trường kết hợp với sơ kết HKI	Chiều thứ sáu 14/1	BGH	Toàn bộ GV, NV và CMHS
02/2022	Tết trồng cây	Tổ chức cho học sinh thực hành trồng và chăm	Theo điểm trường	Sáng thứ bảy, ngày 12/2	BGH	Toàn bộ GV, NV và đại diện CMHS

		sóc cây cối				
3/2022	Mừng Ngày Quốc tế phụ nữ	Thi viết, vẽ về chủ đề bình đẳng giới Tổ chức làm thiệp và viết lời tri ân gửi đến người phụ nữ trong gia đình.	Tổ chức theo đơn vị lớp	Từ 15h20 đến 17h00 các ngày 02/3 và 7/3	BCH Công Đoàn	GVCN, TPT Đội, Chi Đoàn.
4/2022	Hưởng ứng Ngày sách VN	Tổ chức các hoạt động giới thiệu sách, giao lưu chia sẻ với tác giả sách, nhà xuất bản, đọc sách cùng người thân trong GĐ	Toàn trường	Chiều 21/4	Ban xây dựng VHĐ	Toàn bộ CB, GV, VN và CMHS
5/2022	Nhớ ơn Bác Hồ	Thi kể chuyện về Bác Hồ	Kết hợp với tổng kết năm học	Ngày 19/5	TPT Đội	Toàn bộ CB, GV, NV và đại diện CMHS, Đoàn xã

2.2. Tổ chức hoạt động cho học sinh sau giờ học chính thức trong ngày, theo nhu cầu người học.

Chương trình ngoài giờ chính khóa được tổ chức phân hóa theo nhu cầu, sở thích, năng lực của từng học sinh và tổ chức các hoạt động giáo dục/ hoạt động trải nghiệm giúp thực hiện mục tiêu GD của trường. Nội dung và hình thức hoạt động ngoài giờ chính khóa gồm:

2.2.1.Tổ chức các câu lạc bộ:

Nhà trường dự kiến tổ chức các CLB sau đây:

+ Tiếng Anh	+ Văn hay, chữ tốt.	+ Toán tuổi thơ
+ Cờ vua	+ Bóng đá	+ Bóng rổ
+ STEM	+ Robotics	+ Aerobic
+ Võ thuật	+ Âm nhạc	+ Mĩ thuật
+ Dance	+ Người dẫn CT tài ba	+ Đàn ooc-gan

Câu lạc bộ được tổ chức cho những học sinh có năng khiếu, sở thích và nguyện vọng tham gia. Mỗi câu lạc bộ được tổ chức 4 tiết/ tuần, vào thứ Ba và thứ Sáu, thời gian từ 10h00 -10h35 và từ 16h20 -17h00.

2.2. Đọc sách

Mục đích rèn thói quen và kĩ năng đọc sách cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ từ 10h00 -10h35 và từ 16h20 -17h00 các ngày trong tuần.

2.3.Tự học.

Mục đích rèn thói quen và kĩ năng tự học cho học sinh. Tổ chức cho những học sinh không tham gia các hoạt động khác trong khoảng thời gian từ từ 10h00 -10h35 và từ 16h20 -17h00 các ngày trong tuần.

3. Kế hoạch thời gian năm học

3.1. Khung thời gian năm học

Thực hiện nghiêm túc Quyết định số 1727 /QĐ-UBND ngày 13/8/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Nam Định về Kế hoạch thời gian năm học 2021-2022 đối với giáo dục tiểu học, cụ thể:

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú
1	Ngày tựu trường	01/09/2021	L1 23/8/2021
2	Ngày khai giảng	05/09/2021	
3	Ngày bắt đầu chương trình tuần 1	06/09/2021	
4	Ngày kết thúc học kỳ I	07/01/2022	
5	Ngày bắt đầu học kỳ II	10/01/2022	
6	Ngày kết thúc học kỳ II	19/05/2022	
7	Ngày kết thúc năm học	21/05/2022	

3.2. Thời gian biểu hoạt động trong ngày

Mùa hè

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	6h50 – 7h00	10 phút	Thể dục buổi sáng	
	7h00- 7h35	35 phút	Tiết 1	
	7h40- 8h15	35 phút	Tiết 2	
	8h15-8h40	25 phút	Ra chơi	
	8h40-9h15	35 phút	Tiết 3	
	9h20- 9h55	35 phút	Tiết 4	
	10h00- 10h35	35 phút	Tự học, đọc sách hoặc sinh hoạt CLB	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h55-14h00	5 phút	Ổn định lớp	
	14h00- 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h40-15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15-15h40	25 phút	Ra chơi	
	15h40-16h15	35 phút	Tiết 7	
	16h20- 17h00	40 phút	Tự học, đọc sách hoặc sinh hoạt CLB	Tan học buổi chiều

Mùa đông:

Thời gian			Hoạt động	Ghi chú
Buổi sáng	7h25 – 7h30	5 phút	Ổn định tổ chức lớp	
	7h30- 8h05	35 phút	Tiết 1	
	8h10 - 8h45	35 phút	Tiết 2	
	8h45-9h05	20 phút	Ra chơi	
	9h05-9h40	35 phút	Tiết 3	
	9h45- 10h20	35 phút	Tiết 4	
	10h20- 10h55	35 phút	Tự học, đọc sách, CLB	Tan học buổi sáng
Buổi chiều	13h55-14h00	5 phút	Ổn định lớp	
	14h00- 14h35	35 phút	Tiết 5	
	14h40-15h15	35 phút	Tiết 6	
	15h15-15h35	20 phút	Ra chơi	
	15h35-16h10	35 phút	Tiết 7	
	16h15- 16h50	35 phút	Tự học, đọc sách, C LB	Tan học buổi chiều

4. Kế hoạch dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục

4.1. Kế hoạch dạy học các môn học, các hoạt động giáo dục theo khối lớp

4.1.1.Khối lớp 1

- Số tiết học/ hoạt động trải nghiệm chính khóa theo quy định: 25

- Môn học, tiết học tự chọn: Tiếng Anh, 2 tiết

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Củng cố các môn học chính khóa (1 tiết), tự học (1 tiết), đọc sách thư viện (1 tiết).

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường cho học sinh có nhu cầu: Giáo dục tin học (1 tiết), học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài (1 tiết)

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 1	Nguyễn Minh Thuyết	ĐHSP
2	Toán 1	Đỗ Đức Thái	ĐHSP
3	Đạo đức 1	Lưu Thu Thủy	ĐHSP
4	TN&XH 1	Mai Sỹ Tuấn	ĐHSP
5	GDTC 1	Đặng Ngọc Quang	ĐHSP
6	Âm nhạc 1	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 1	Nguyễn Tuấn Cường	GDVN
8	HĐTN 1	Nguyễn Dục Quang	ĐHSP
9	Tiếng Anh 1 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kudo 1	Đào Thái Lai	GDVN

4.1.2. Khối lớp 2

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 25

- Môn học, tiết học tự chọn: Tiếng Anh, 2 tiết

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Củng cố các môn học chính khóa (1 tiết), tự học (1 tiết), đọc sách thư viện (1 tiết).

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường cho học sinh có nhu cầu: Giáo dục tin học (1 tiết), học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài (1 tiết)

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	Tổng chủ biên/ chủ biên	Nhà XB
1	Tiếng Việt 2	Bùi Mạnh Hùng	GDVN
2	Toán 2	Lê Anh Vinh	GDVN
3	Đạo đức 2	Nguyễn Thị Toan	GDVN
4	TN&XH 2	Vũ Văn Hùng	GDVN
5	GDTC 2	Nguyễn Duy Quyết	GDVN
6	Âm nhạc 2	Hoàng Long	GDVN
7	Mĩ thuật 2	Nguyễn Xuân Tiên	GDVN
8	HĐTN 2	Lưu Thu Thủy	GDVN
9	Tiếng Anh 2 (English Discovery)	Lưu Thị Kim Nhung	ĐHSP
10	Em học lập trình với Kudo 2	Đào Thái Lai	GDVN

4.1.3. Khối lớp 3

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 24

- Môn học, tiết học tự chọn: Tiếng Anh, 4 tiết; Tin học, 2 tiết.

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: Củng cố các môn học chính khóa (1 tiết), đọc sách thư viện (1 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	HDH Toán 3	Đỗ Tiến Đạt	GDVN
2	HDH Tiếng Việt 3	Nguyễn Thị Hạnh	GDVN
3	HDH TNXH 3	Nguyễn Văn Hùng	GDVN
4	Vở Đạo đức 3	Lưu Thu Thủy	GDVN
5	Sách GV Thể dục 3	Trần Đồng Lâm	GDVN
6	Thủ công 3	Triệu Thị Chơi	GDVN
7	Âm nhạc 3	Hoàng Long	GDVN
8	Học Mĩ thuật 3	Nguyễn Thị Nhung, Nguyễn Thị Hậu, …	GDVN
9	Tiếng Anh 3	Hoàng Văn Vân/ Phan Hà	GDVN
10	Cùng học tin học 1	Nguyễn Xuân Huy	GDVN

4.1.4. Khối lớp 4

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 25

- Môn học, tiết học tự chọn: Tiếng Anh, 4 tiết; Tin học, 2 tiết.

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: đọc sách thư viện (1 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	HDH Toán 4	Đỗ Tiến Đạt	GDVN
2	HDH Tiếng Việt 4	Lê Phương Nga	GDVN
3	HDH Khoa học 4	Lương Việt Thái	GDVN
4	HDH Lịch sử và Địa lý 4	Nguyễn Anh Dũng	GDVN
5	Đạo đức 4	Lưu Thu Thủy	GDVN
6	Sách GV Thể dục 4	Trần Đồng Lâm	GDVN
7	Âm nhạc 4	Hoàng Long	GDVN
8	Học Mĩ thuật 4	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Kĩ thuật 4	Đoàn Chi	GDVN
10	Tiếng Anh 4	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Cùng học tin học 2	Nguyễn Xuân Huy	GDVN

4.1.5. Khối lớp 5

- Số tiết học/ hoạt động giáo dục chính khóa theo quy định: 25

- Môn học, tiết học tự chọn: Tiếng Anh, 4 tiết; Tin học, 2 tiết.

- Số môn học/ HĐGD, số tiết tăng cường chung cho 100% HS: đọc sách thư viện (1 tiết).

- Sách giáo khoa chính sử dụng xây dựng kế hoạch môn học, bài học gồm:

Stt	Tên sách	TCB/ chủ biên	Nhà XB
1	HDH Toán 5	Đỗ Tiến Đạt	GDVN
2	HDH Tiếng Việt 5	Lê Phương Nga,	GDVN
3	HDH Khoa học 5	Lương Việt Thái	GDVN
4	HDH Lịch sử và Địa lý 5	Nguyễn Anh Dũng	GDVN
5	Đạo đức 5	Lưu Thu Thủy	GDVN
6	Sách GV Thể dục 5	Trần Đồng Lâm	GDVN
7	Âm nhạc 5	Hoàng Long	GDVN
8	Học Mĩ thuật 5	Nguyễn Thị Nhung	GDVN
9	Kĩ thuật 5	Đoàn Chi	GDVN
10	Tiếng Anh 5	Hoàng Văn Vân	GDVN
11	Cùng học tin học 3	Nguyễn Xuân Huy	GDVN

4.2. Một số yêu cầu trong xây dựng và thực hiện kế hoạch dạy học môn học, hoạt động giáo dục

4.2.1. Đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Tăng cường đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học, giáo dục theo hướng hiện đại, phát huy tính chủ động, tích cực, tự học, phát triển năng lực học sinh; dạy phân hóa, dạy học cá thể, dạy ngoài trời, dạy bằng trải nghiệm, ứng dụng

CNTT, … Vận dụng linh hoạt, sáng tạo các mô hình, các phương pháp dạy học tích cực một cách linh hoạt, phù hợp và hiệu quả.

Thực hiện dạy học gắn kết giữa lí thuyết với thực hành; tăng cường các hoạt động trải nghiệm, vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống của học sinh. Lồng ghép, tích hợp giáo dục đạo đức, nhân cách; giáo dục pháp luật; giáo dục nhận thức về quyền và bổn phận của trẻ em; bình đẳng giới; phòng chống tai nạn thương tích; phòng chống HIV/AIDS; chú trọng giáo dục lối sống, kĩ năng sống, các kĩ năng tự bảo vệ, chống xâm hại, bạo lực; tuyên truyền, giáo dục chủ quyền quốc gia về biên giới, biển đảo; bảo vệ môi trường; bảo tồn thiên nhiên; ứng phó với biến đổi khí hậu, phòng tránh và giảm nhẹ thiên tai, giáo dục an toàn giao thông;…

4.2.2. Thực hiện đổi mới đánh giá học sinh tiểu học:

Tiếp tục thực hiện đổi mới đánh giá học sinh lớp 3,4,5 theo Thông tư 22/2016/TT-BGDĐT; thực hiện đánh giá học sinh lớp 1,2 theo Thông tư 27/2020/TT-BGDĐT.

4.2.3. Nâng cao chất lượng dạy học Tiếng Anh.

Triển khai dạy học môn Tiếng Anh đủ 4 kĩ năng nghe, nói, đọc, viết cho học sinh, trong đó tập trung phát triển hai kĩ năng nghe và nói. Tạo môi trường ngôn ngữ thuận lợi, tạo cơ hội để học sinh được thể hiện khả năng tiếng Anh được học qua kì thi lấy chứng chỉ tiếng Anh theo chuẩn Quốc tế, Hội thi hùng biện tiếng Anh cấp huyện, tỉnh; ngày hội tiếng Anh của trường, đọc sách tiếng Anh, dẫn chương trình bằng tiếng Anh, thi Olympic tiếng Anh, học tiếng Anh với giáo viên nước ngoài.

4.2.4. Nâng cao chất lượng dạy học Tin học.

Tiếp tục tổ chức thực hiện dạy học môn Tin học theo Chương trình giáo dục phổ thông ban hành kèm theo Quyết định số 16/2006/QĐ-BGDĐT ngày 05/5/2006, công văn số 3031/BGDĐT-GDTH ngày 17/7/2017 của Bộ GD&ĐT và chỉ đạo của Sở GD&ĐT, phòng GD&ĐT. Cụ thể: Dạy tin học cho 100% học sinh lớp 3,4,5; lớp 3 sử dụng tài liệu Cùng học tin học quyển 1, lớp 4 sử dụng tài liệu Cùng học tin học quyển 2 song có sự điều chỉnh về thời lượng khoảng 8 tiết/ năm học để bổ sung nội dung giới thiệu về robot và phần mềm lập trình **Scratch** – một phần mềm miễn phí (một loại **ngôn ngữ lập trình**, được nghiên cứu và phát triển bởi nhóm Lifelong Kindergarten thuộc trung tâm Media Lab của Viện công nghệ Massachusetts, Mỹ). Đẩy mạnh các hoạt động câu lạc bộ STEM, Robotics để học sinh được tiếp cận, hình thành các kĩ năng ứng dụng công nghệ thông tin vào học tập.

4.3.Kế hoạch dạy học theo tuần

TUẦN 1									
Thời gian		**6/9**	**7/9**	**8/9**	**9/9**	**10/9**	**11/9**	**12/9**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 2									
Thời gian		**13/9**	**15/9**	**15/9**	**16/9**	**17/9**	**18/9**	**19/9**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 3									
Thời gian		**20/9**	**21/9**	**22/9**	**23/9**	**24/9**	**25/9**	**26/9**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC	Tết trung thu						
	2								
	3								
	4								
Chiều	5	GDTT							
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**25**							

TUẦN 4									
Thời gian		**27/9**	**28/9**	**29/9**	**30/9**	**1/10**	**2/10**	**3/10**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6			SHCM					
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 5									
Thời gian		**4/10**	**5/10**	**6/10**	**7/10**	**8/10**	**9/10**	**10/10**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 6									
Thời gian		**11/10**	**12/10**	**13/10**	**14/10**	**15/10**	**16/10**	**17/10**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6			SHCM					
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 7									
Thời gian		**18/10**	**19/10**	**20/10**	**21/10**	**22/10**	**23/10**	**24/10**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC		GDTT					
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**28**							

TUẦN 8									
Thời gian		**25/10**	**26/10**	**27/10**	**28/10**	**29/10**	**30/10**	**31/10**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 9									
Thời gian		**1/11**	**2/11**	**3/11**	**4/11**	**5/11**	**6/11**	**7/11**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 10									
Thời gian		**8/11**	**9/11**	**10/11**	**11/11**	**12/11**	**13/11**	**14/11**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6			SHCM					
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 11									
Thời gian		**15/11**	**16/11**	**17/11**	**18/11**	**19/11**	**20/11**	**21/11**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC					Ngày Nhà giáo VN		
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 12									
Thời gian		**22/11**	**23/11**	**24/11**	**25/11**	**26/11**	**27/11**	**28/11**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6			SHCM					
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 13									
Thời gian		**29/11**	**30/11**	**1/12**	**2/12**	**3/12**	**4/12**	**5/12**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 14									
Thời gian		**6/12**	**7/12**	**8/12**	**9/12**	**10/12**	**11/12**	**12/12**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 15									
Thời gian		**13/12**	**14/12**	**15/12**	**16/12**	**17/12**	**18/12**	**19/12**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 16									
Thời gian		**20/12**	**21/12**	**22/12**	**23/12**	**24/12**	**25/12**	**26/12**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 17									
Thời gian		**27/12**	**28/12**	**29/12**	**30/12**	**31/12**	**1/1/22**	**2/1**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC				Nghỉ bù tết dương lịch	Tết dương lịch		
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**28**							

TUẦN 18									
Thời gian		**3/1**	**4/1**	**5/1**	**6/1**	**7/1**	**8/1**	**9/1**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 19									
Thời gian		**10/1**	**11/1**	**12/1**	**13/1**	**14/1**	**15/1**	**16/1**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5					SK + GDTT			
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 20									
Thời gian		**17/1**	**18/1**	**19/1**	**20/1**	**21/1**	**22/1**	**23/1**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 21									
Thời gian		**24/1**	**25/1**	**26/1**	**27/1**	**28/1**	**29/1**	**30/1**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC					Nghỉ tết Nguyên Đán		
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 22									
Thời gian		**7/2**	**8/2**	**9/2**	**10/2**	**11/2**	**12/2**	**13/2**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC					GDTT		
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 23									
Thời gian		**14/2**	**15/2**	**16/2**	**17/2**	**18/2**	**19/2**	**20/2**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 24									
Thời gian		**21/2**	**22/2**	**23/2**	**24/2**	**25/2**	**26/2**	**27/2**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 25									
Thời gian		**28/2**	**1/3**	**2/3**	**3/3**	**4/3**	**5/3**	**6/3**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 26									
Thời gian		**7/3**	**8/3**	**9/3**	**10/3**	**11/3**	**12/3**	**13/3**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 27									
Thời gian		**14/3**	**15/3**	**16/3**	**17/3**	**18/3**	**19/3**	**20/3**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 28									
Thời gian		**21/3**	**22/3**	**23/3**	**24/3**	**25/3**	**26/3**	**27/3**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 29									
Thời gian		**28/3**	**29/3**	**30/3**	**31/3**	**1/4**	**2/4**	**3/4**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 30									
Thời gian		**4/4**	**5/4**	**6/4**	**7/4**	**8/4**	**9/4**	**10/4**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**32**							

TUẦN 31									
Thời gian		**11/4**	**12/4**	**13/4**	**14/4**	**15/4**	**16/4**	**17/4**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC						Giỗ Tổ Hùng Vương	
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 32									
Thời gian		**18/4**	**19/4**	**20/4**	**21/4**	**22/4**	**23/4**	**24/4**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ bù giỗ tổ Hùng Vương							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6			SHCM	GDTT				
	7								
TS tiết/tuần		**22**							

TUẦN 33									
Thời gian		**25/4**	**26/4**	**27/4**	**28/4**	**29/4**	**30/4**	**1/5**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TUẦN 34								
Thời gian		**2/5**	**3/5**	**4/5**	**5/5**	**6/5**	**7/5**	**8/5**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	Nghỉ bù Lễ Chiến thắng	Nghỉ bù Quốc tế Lao động						
	2								
	3								
	4								
Chiều	5			SHCM					
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**18**							

TUẦN 35								
Thời gian		**9/5**	**10/5**	**11/5**	**12/5**	**13/5**	**14/5**	**15/5**	**Điều chỉnh kế hoạch**
Buổi	Tiết	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Thứ 7	CN	
Sáng	1	SHDC							
	2								
	3								
	4								
Chiều	5								
	6								
	7								
TS tiết/tuần		**35**							

TỔNG HỢP

Tuần	TV	T	ĐĐ	TNXH	KH	LSĐL	TC/KT	GDTC	AN	MT	TN	TA	Tin	CC	T.học	ĐS	TATC	GDTH	SHCM	Tổng
1																				**35**
2																			4	**32**
3																				**25**
4																			4	**32**
5																				**32**
6																			4	**32**
7																				**28**
8																			4	**32**
9																				**35**
10																			4	**32**
11																				**35**
12																			4	**32**
13																				**35**
14																			4	**32**
15																				**35**
16																			4	**32**
17																				**28**
18																			4	**32**
HKI																			**36**	**576**
19																				**32**
20																			4	**32**
21																				**35**
22																			4	**32**
23																				**35**
24																			4	**32**
25																				**35**
26																			4	**32**
27																				**35**
28																			4	**32**
29																				**35**
30																			4	**32**
31																				**35**
32																			4	**22**
33																				**35**
34																			4	**18**
35																				**35**
HKII																			**32**	**544**

V. GIẢI PHÁP THỰC HIỆN

1. Tăng cường cơ sở vật chất, thiết bị dạy học

- Tích cực tham mưu với Đảng ủy, HĐND, UBND xã tu sửa, bổ sung các điều kiện cơ sở vật chất để đảm bảo phục vụ tốt cho việc dạy và học.

- Tiết kiệm chi ngân sách, kêu gọi tài trợ để mua sắm bổ sung đồ dùng, trang thiết bị dạy học cho các phòng học, phòng học bộ môn, ưu tiên cho các lớp 1;2.

- Phát động và tổ chức cho giáo viên tự làm đồ dùng dạy học.

- Tăng cường các thiết bị dạy học hiện đại để khi có dịch bệnh xảy ra có thể chủ động triển khai dạy học online cho học sinh.

2. Chủ động kiện toàn và nâng cao chất lượng đội ngũ

- Căn cứ vào kế hoạch phát triển hàng năm, tham mưu với Phòng GD&ĐT để có đủ số lượng, cơ cấu giáo viên, nhân viên theo quy định.

- Cử giáo viên đi học nâng cao trình độ đào tạo theo lộ trình đã xây dựng.

- Phát huy nội lực, bồi dưỡng tin học, ngoại ngữ tại chỗ cho cán bộ, giáo viên, nhân viên.

- Tăng cường bồi dưỡng giáo viên ứng dụng CNTT vào dạy học, đặc biệt là các kỹ năng dạy học trực tuyến.

3. Chú trọng tổ chức và nâng cao chất lượng các hoạt động chuyên môn.

- Thực hiện nghiêm túc, hiệu quả việc tập huấn, sinh hoạt chuyên môn.

- Xây dựng và thực hiện nghiêm túc kế hoạch kiểm tra nội bộ.

- Động viên, khuyến khích giáo viên, nhân viên tham gia tích cực vào các hội thảo chuyên môn, các cuộc thi, giao lưu về chuyên môn để học hỏi.

4. Coi trọng việc phối kết hợp với các ban ngành đoàn thể, CMHS trong thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

- Tuyên truyền tích cực về đổi mới giáo dục nói chung, kế hoạch giáo dục của nhà trường nói riêng để các cộng đồng nhận thức đúng và đồng thuận.

- Làm tốt công tác dân vận để đảm bảo quy mô phát triển hợp lý giữa 2 điểm trường.

- Tạo nhiều cơ hội để các lực lượng giáo dục ngoài nhà trường cùng tham gia vào việc giáo dục học sinh.

5. Luôn khuyến khích sự chủ động, sáng tạo và tạo cơ chế hợp lý để cán bộ, giáo viên, nhân viên phát huy sự chủ động, sáng tạo trong thực hiện kế hoạch giáo dục.

- Phân công nhiệm vụ rõ ràng, cụ thể, hợp lý cho từng cán bộ, giáo viên, nhân viên. Tăng cường phân cấp quản lý, cấp trên không làm thay nhiệm vụ cấp dưới và ngược lại.

- Hướng dẫn chu đáo để giáo viên chủ động xây dựng và điều chỉnh kế hoạch giáo dục theo tình hình thực tế.

- Tổ chức cho cán bộ, giáo viên, nhân viên theo nhiệm vụ được phân công xây dựng kế hoạch, dự toán thực hiện nội dung các công việc được giao và chủ động thực hiện sau khi được phê duyệt.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ, khuyến khích giáo viên đọc sách, cơ chế khen thưởng hiệu quả.

VI. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Hiệu trưởng

- Tổ chức việc xây dựng kế hoạch giáo dục, báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt, truyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Phân công nhiệm vụ và tổ chức bồi dưỡng giáo viên theo yêu cầu.

- Tham mưu tích cực với các cấp có thẩm quyền và huy động các nguồn lực để có đủ các điều kiện giúp cho việc thực hiện kế hoạch giáo dục đạt hiệu quả cao. Huy động các lực lượng cộng đồng tham gia vào thực hiện kế hoạch giáo dục nhà trường.

2. Phó hiệu trưởng

- Kết hợp với hiệu trưởng nhà trường tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Trên cơ sở kế hoạch giáo dục chung của nhà trường, các phó hiệu trưởng xây dựng kế hoạch thực hiện cụ thể cho nhiệm vụ của mình sao cho có sự thống nhất với kế hoạch giáo dục chung của trường.

- Chỉ đạo các tổ chuyên môn tổ chức sinh hoạt:

+ Xây dựng kế hoạch môn học theo CTGDPT 2018 trên cơ sở SGK được chọn (lớp 1; 2)

+ Rà soát nội dung, chương trình, SGK hiện hành để loại bỏ những thông tin cũ, lạc hậu, bổ sung, cập nhật những thông tin mới phù hợp. Điều chỉnh cấu trúc nội dung dạy học trong chương trình hiện hành và xây dựng kế hoạch dạy học từng môn học, hoạt động giáo dục theo định hướng phát triển năng lực học sinh (lớp 3-5).

+ Xây dựng các tiết học trải nghiệm, các tiết dạy học theo định hướng STEM.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục của nhà trường, kế hoạch môn học của tổ chuyên môn tổ chức và hướng dẫn giáo viên lập thời khóa biểu cụ thể cho từng lớp.

- Thường xuyên giám sát thực hiện kế hoạch giáo dục thông qua dự giờ, kiểm tra, duyệt kế hoạch bài dạy, …. Định kỳ rà soát việc thực hiện kế hoạch giáo dục đề xuất hiệu trưởng các biện pháp điều chỉnh, bổ sung.

- Tổ chức hướng dẫn xây dựng kế hoạch bài dạy theo định hướng phát triển năng lực học sinh, sinh hoạt chuyên môn, hội thảo chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ kịp thời các vướng mắc của giáo viên.

3. Tổ trưởng chuyên môn

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Tổ chức xây dựng kế hoạch môn học, các hoạt động giáo dục đảm bảo yêu cầu trong kế hoạch giáo dục nhà trường. Hướng dẫn tổ viên lập kế hoạch dạy học hàng tuần.

- Phối hợp với phó hiệu trưởng lập thời khóa biểu cho từng lớp.

- Kiểm tra kế hoạch bài dạy của giáo viên hàng tuần. Giám sát việc thực hiện kế hoạch giáo dục của mỗi thành viên trong tổ.

- Tổ chức cho tổ sinh hoạt chuyên môn để chia sẻ và tháo gỡ vướng mắc trong quá trình thực hiện kế hoạch giáo dục.

4. Tổng phụ trách Đội

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh, các bên có liên quan và cộng đồng.

- Căn cứ vào kế hoạch giáo dục nhà trường, xây dựng kế hoạt tổ chức thực hiện tiết sinh hoạt dưới cờ, xây dựng kế hoạt thực hiện các hoạt động giáo dục tập thể được phân công.

- Tham mưu với Đoàn TNCS, Hội đồng Đội của địa phương để huy động các nguồn lực, để phối hợp trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục.

5. Giáo viên chủ nhiệm

- Tuyên truyền, phổ biến rộng rãi kế hoạch giáo dục của nhà trường đến cha mẹ học sinh và cộng đồng.

- Xây dựng kế hoạch môn học, hoạt động giáo dục theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng kế hoạch giáo dục hàng tuần cho lớp mình chủ nhiệm.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

6. Giáo viên phụ trách môn học

- Xây dựng kế hoạch môn học, kế hoạch tổ chức hoạt động giáo dục được phân công theo chỉ đạo của tổ trưởng chuyên môn.

- Xây dựng và thực hiện kế hoạch bài dạy chất lượng, hiệu quả.

- Thường xuyên cập nhật những sáng kiến, những vướng mắc trong việc thực hiện kế hoạch để thảo luận, chia sẻ với đồng nghiệp và đề xuất với cấp có thẩm quyền có biện pháp điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Phối hợp với giáo viên chủ nhiệm trong việc giảng dạy và giáo dục học sinh.

Nơi nhận:
- Phòng GD&ĐT
- Các PHT, TTCM
- Đăng website
- Lưu VT.

HIỆU TRƯỞNG

HIỆU TRƯỞNG

Lê Thị Tuyết

PHÒNG GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO PHÊ DUYỆT

……
……
……
……
……
……
……